

Số: 113/2025/QĐST-HNGĐ

Trần Biên, ngày 22 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tổ tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân
và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1182/2025/TLST-
VHNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Trịnh Minh L**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Số D, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là
phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Số A, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là
phường B, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23 tháng 05 năm 2025, ông Nguyễn Trịnh Minh L và bà Phạm Thị
Kim T cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông L và bà T thống nhất
không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã lập biên bản
hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 14 tháng 07
năm 2025. Ông L và bà T hiện đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay
thuộc khu V, Đồng Nai); ông bà đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự.
Do đó, đơn yêu cầu của ông L và bà T được Tòa án nhân dân thành phố B (nay là

Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Trịnh Minh L và bà Phạm Thị Kim T tự nguyện kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận kết hôn được cấp số 31/2019 ngày 09/03/2019. Ông L và bà T có một người con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 23/10/2020. Ly hôn vợ chồng thống nhất: bà Phạm Thị Kim T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng B đến tuổi trưởng thành và ông Nguyễn Trịnh Minh L tạm thời cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông L và bà T thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông L và bà T xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông L và bà T thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông bà đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai chấp nhận đơn yêu cầu của ông L và bà T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Trịnh Minh L và bà Phạm Thị Kim T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Trịnh Minh L và bà Phạm Thị Kim T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 23/10/2020. Ly hôn vợ chồng thống nhất: bà Phạm Thị Kim T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng B đến tuổi trưởng thành và ông Nguyễn Trịnh Minh L tạm thời cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng.

Sau khi ly hôn, ông L vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông L có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên,

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không cấp dưỡng nuôi con với số tiền thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trịnh Minh L và bà Phạm Thị Kim T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007256 ngày 30/05/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Ông L bà T đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Nhân